

*Yên Lập, ngày 28 tháng 7 năm 2022*

Số: 64 / 2022/Q<sup>ST</sup>-HNG<sup>ST</sup>

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Đinh Văn Q, sinh năm 1991.

Trú quán: Khu Đồng An, xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Đinh Thị B, sinh năm 1990 .

Trú quán: Khu Đồng An, xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Quốc V- Luật sư, thực hiện hợp đồng Trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Agribank- Chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ,

Địa chỉ: Thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Cao Ph- Giám đốc Agribank- Chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ;

Người được ủy quyền: Ông Hà Đức G -Agribank- Chi nhánh huyện Yên Lập, Giám đốc phòng giao dịch Lương Sơn.

Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Th, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch.

Bà Cao Thị T, sinh năm 1966,

Địa chỉ: Khu Liên An, xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào, khoản 4, điều 147, điều 212, điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Điều 26 luật Thi hành án Dân sự.

Căn cứ vào điều 55, 58, 59, 60, 62, 81, 82 và điều 83 luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của đ- ơng sự đ- ọc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đinh Văn Th, sinh ngày 23/ 10/2012, chị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đinh Thanh Th, sinh ngày 06/01/2017 kể từ khi ly hôn đến khi con đã thành niên. Anh Q và chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. (Anh Q đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung).

Anh Q và chị B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, anh Q, chị B cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

-, Về tài sản chung:

+ Anh Q được sử dụng và sở hữu tài sản có tổng giá trị là: 326.110.000đ ( Ba trăm hai mươi sáu triệu một trăm mười nghìn đồng) gồm những tài sản như sau:

Đất thổ cư và đất cây lâu năm diện tích là: 108,3 m<sup>2</sup>. Trong đó:

Đất thổ cư: 100 m<sup>2</sup> x 1.600.000đ = 160.000.000đ;

Đất cây lâu năm: 8,3 m<sup>2</sup> x 700.000đ = 5.810.000đ;

01 nhà xây ba gian diện tích là 68,9 m<sup>2</sup> x 2.000.000đ = 137.800.000đ

Bếp xây bên phần đất chia cho anh Q = 22.500.000đ;

Đất thổ cư và đất cây lâu năm anh Q được sử dụng có chỉ giới như sau:

Phía Tây nam (Mặt tiền) giáp đường đi của xóm, rộng 5,36 m;

Phía Đông Bắc giáp đất trường mầm non rộng 5,44 m;

Phía Đông Nam giáp phần đất chia cho chị B dài 20 m;

Phía Tây Bắc giáp đất ở của ông Phùng Văn Nam dài 20 m.

+ Chị B được sử dụng và sở hữu tổng giá trị tài sản là: 131.190.000 ( Một trăm ba mươi một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) gồm những tài sản như sau:

Đất thổ cư và đất cây lâu năm diện tích là: 91,7 m<sup>2</sup>. Trong đó:

Đất thổ cư: 50 m<sup>2</sup> x 1.600.000đ = 80.000.000đ;

Đất cây lâu năm: 41,70 m<sup>2</sup> x 700.000đ = 29.190.000đ;

01 gian bếp xây = 13.500.000đ;

01 mái tôn 24 m<sup>2</sup> = 3.000.000đ;

Cổng gồm: 02 trụ; 02 cánh và mái cổng = 5.500.000đ; ( 01 gian bếp, 01 mái tôn và cổng đều trên diện tích đất 91,7 m<sup>2</sup>).

Đất thổ cư và đất cây lâu năm chị B được sử dụng có chỉ giới như sau:

Phía Tây nam (Mặt tiền) giáp đường đi của xóm, rộng 4,64 m;

Phía Đông Bắc giáp đất trường mầm non rộng 4,56 m;

Phía Đông Nam giáp đất ở của bà Phan Thị H dài 20 m;

Phía Tây Bắc giáp phần đất chia cho anh Q dài 20 m.

Anh Q và chị B thỏa thuận không đề nghị giải quyết về tường rào và giếng khơi. Chị B tự nguyện không yêu cầu anh Q phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho chị.

Anh Q và chị B còn thỏa thuận:

+ Anh Q phải tháo dỡ lan can tô cửa sổ bằng bê tông dài 02 m, rộng 0,60 m và phần mái hiên nhô sang phần đất của chị B dài 2m, rộng 0,3 m.

+ Đất thổ cư và đất cây lâu năm anh Q và chị B được sử dụng nằm trong diện tích: 200 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số: 46, tờ bản đồ số: 63, giấy CNQSD đất số: CQ 510737, vào sổ cấp GCN: CH 04310 ngày 12/7/2019. Đứng tên người sử dụng là ông Đinh

Văn Q bà bà Đinh Thị B. Địa chỉ thửa đất: Khu Đồng An, xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

-, Về vay nợ : Anh Q tự nguyện trả toàn bộ số tiền nợ chung của vợ chồng số tiền gốc là 131.000.000đ. ( Một trăm ba mươi một triệu đồng).Trong đó:

Ngân hàng nông nghiệp huyện Yên Lập: 100.000.000đ ( Một trăm triệu đồng); tiền gốc ( Anh Q đã trả hết cả gốc và lãi ngày 06/7/2022);

Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Yên Lập: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi 9%/năm theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ vốn vay ngày 25/6/2021. Tiền lãi phải trả kể từ ngày 22/7/2022 và số tiền lãi còn thiếu trong tháng B là: 73.973đ ( B mươi ba nghìn chín trăm B mươi ba đồng) (theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-Thu nợ- Dư nợ của NHCSXH chi nhánh huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ ngày 21/7/2022) .

Bà Cao Thị T, sinh năm 1966, ở khu Liên An, xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập: 11.000.000đ ( Mười một triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi 1%/tháng kể từ tháng 04/2022 cho đến khi thanh toán xong.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả ; lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Về chi phí tố tụng: Chị B tự nguyện chịu cả chi phí tố tụng số tiền là: 5.562.000đ (Năm triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Về án phí: Miễn cho anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị B án phí ly hôn, án phí chia tài sản và án phí trả nợ vì anh chị đều có đơn xin miễn án phí do là người Dân tộc thiểu số, đang sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này đ- ọc thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Yên Lập;
- Các đ- ơng sự;
- THA dân sự huyện Yên Lập;
- UBND xã Mỹ Lương
- L- u hồ sơ;
- L- u VP.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Văn M**



